

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 601/2023/DS-PT

Ngày: 05-12-2023

V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2023/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 830/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị Đ, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Bé B, sinh năm 1964 (tên gọi khác: vợ của 3 Hào) (có mặt);

Địa chỉ: ấp G, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lê Thị Bé B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Mai Thị Đ trình bày:

Do chỗ quen biết nên vào vụ Thu Đ1 năm 2019 bà có cho bà B1 Ba mượn nhiều lần số tiền theo biên nhận nợ ngày 30/9/2018 và ngày 30/2/2019 tổng số

tiền là 65.000.000 đồng. Bà đến nhà yêu cầu bà B1 Ba trả nợ nhưng bà B1 Ba hèn nhiều lần không trả nợ.

Nay bà yêu cầu bà B1 Ba có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ là 65.000.000 đồng và tiền lãi (65.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 38 tháng = 20.500.000 đồng) tổng cộng 85.500.000 đồng. Làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Lê Thị Bé B trình bày:

Năm 2018, bà có mượn của bà Đ số tiền 10.000.000 đồng và trả lãi suất 10%/tháng. Đến ngày 15/6/2020, bà đã thanh toán cho bà Đ số tiền là 22.000.000 đồng. Bà Đ cho rằng bà còn nợ số tiền 65.000.000 đồng là không đúng. Vì bà Đ cho người lạ vào nhà bà, ép bà ký biên nhận nợ, nay bà Đ yêu cầu trả số tiền nợ và lãi tổng cộng là 85.000.000 đồng nên bà không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2023/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Đ.

Buộc bà Lê Thị Bé B (vợ của 3 Hào) có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị Đ số tiền nợ vay là 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 25/8/2023, bị đơn bà Lê Thị Bé B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Đ, bà Bé B đồng ý trả cho bà Đ số tiền là 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Lê Thị Bé B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư

ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: bà B cho rằng biên nhận ngày 30/2/2019 nợ số tiền 65.000.000 đồng là do bị ép buộc ký tên chứ bà không có vay số tiền 65.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà B, tuy nhiên bà Đ đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi nhưng án sơ thẩm không tuyên đình chỉ là có thiếu sót đề nghị bổ sung phần này.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Mai Thị Đ vắng mặt lần hai không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ là có căn cứ đúng quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa bà Đ và bà B1 Ba là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” đúng quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đơn kháng cáo của bà B đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: bị đơn Lê Thị Bé B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Đ, bà Bé B đồng ý trả cho bà Đ số tiền là 10.000.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà B: xét thấy tại biên nhận nợ ngày 30/2/2019 bà Bé B có ghi nợ 3 Hào thiếu 50.000.000 đồng, tổng cộng là 65.000.000 đồng và có chữ Bé Ba. Tại phiên tòa sơ thẩm bà Bé B thừa nhận biên nhận nợ do bà viết, ký tên và cho rằng đã trả nợ cho bà Đ xong, còn theo biên nhận nợ có ghi 65.000.000 đồng là do bà Đ cho người lạ đến nhà bà uy hiếp, hăm dọa bắt bà phải ký nợ. Tuy nhiên bà Bé B không có tài liệu chứng minh đã trả nợ vay cho bà Đ và bà Đ không thừa nhận, ngoài ra bà B cho rằng bà Đ cho người lạ uy hiếp buộc bà ghi biên nhận nợ nhưng bà không có chứng cứ nào để chứng minh.

Theo biên bản hòa giải tại ấp ngày 22/6/2022 bà B1 Ba không thừa nhận số nợ 65.000.000 đồng. Nhưng bà cũng không trình bày việc bà Đ cho người lạ vào nhà bà để uy hiếp buộc bà ký biên nhận nợ, nếu bà Đ cho người lạ vào nhà uy hiếp thì bà phải báo ngay chính quyền địa phương hoặc lãnh đạo ấp nơi gần nhất biết để chứng minh việc bà Đ có đưa người lạ vào nhà uy hiếp bà. Án sơ thẩm xử

buộc bà B1 Ba trả cho bà Đ số tiền vốn 65.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó yêu cầu kháng cáo của bà B không có căn cứ để chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 20.500.000 đồng, nhưng án sơ thẩm không đình chỉ đối với phần rút yêu cầu là có thiếu sót, cần rút kinh nghiệm vấn đề này.

[6] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: bà Lê Thị B2 Ba phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Bé B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2023/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Đ.

Buộc bà Lê Thị Bé B (vợ của 3 Hào) có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị Đ số tiền nợ vay là 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Đ về việc yêu cầu bà B2 Ba trả số tiền lãi là 20.500.000 đồng.

3/ Về án phí:

Bà Lê Thị B2 Ba phải chịu 3.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho bà Mai Thị Đ 2.137.500 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0018537 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy.

Bà Lê Thị B2 Ba phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0018671 ngày 07/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyên